



1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Doanh nghiệp Tư nhân Sản xuất gạch tuynel Hoàng Bảo Trâm được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Doanh nghiệp Tư nhân Sản xuất gạch tuynel Hoàng Bảo Trâm có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Châu Thành và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Châu Thành;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

lv

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chiến

**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ....15/14..../GPMT-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (nước thải sinh hoạt xử lý bằng bể tự hoại, sau đó định kỳ hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ vệ sinh công nhân viên tại nhà máy với lưu lượng lớn nhất 1,35 m<sup>3</sup>/ngày đêm được thu gom về 02 bể tự hoại để xử lý (mỗi bể có thể tích 7 m<sup>3</sup>/bể).

- Nước thải sản xuất từ hệ thống xử lý khí thải lưu lượng 2m<sup>3</sup>/6 tháng, định kỳ 6 tháng/lần được chuyên giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại → định kỳ hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng đường ống thu gom, 06 tháng/lần thuê đơn vị chức năng thu gom, xử lý bùn từ bể tự hoại.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải.

3.3. Doanh nghiệp chịu hoàn toàn trách nhiệm về xử lý nước thải tại dự án.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1514...../GPMT-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu lò nung tuynel nhiên liệu đốt củi;
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ quá trình nghiền nhiên liệu xi than đá.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

###### 2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: tại 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải, tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X= 1.227.740; Y = 590.178 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°).
- Nguồn số 02: tại 01 ống thoát bụi sau hệ thống xử lý bụi, tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1.227.758; Y = 590.165 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°).

###### 2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả bụi lớn nhất 14.000 m<sup>3</sup>/giờ;
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả bụi lớn nhất 3.200 m<sup>3</sup>/giờ;

###### 2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 và số 02: cưỡng bức;
- Chế độ xả khí thải: xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT), hệ số Kp = 1 và Kv = 1, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01: đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT, hệ số Kp = 1 và Kv = 1.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	$P \leq 20.000$	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		

- Dòng khí thải số 02: đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT, hệ số K<sub>p</sub> = 1 và K<sub>v</sub> = 1

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải theo phương án đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số K<sub>p</sub> = 1, K<sub>v</sub> = 1,0 trước khi thoát ra môi trường qua 01 ống thoát khí cao 15 m.

- Nguồn số 02: lắp đặt hệ thống xử lý bụi cho nguồn số 02 theo phương án khí chứa bụi sau xử lý đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số K<sub>p</sub> = 1, K<sub>v</sub> = 1,0 trước khi thoát ra môi trường qua 01 ống thoát khí cao 6 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ lò nung tuynel

- Quy trình công nghệ: khí thải → cyclone → tháp hấp thụ (dung dịch hấp thụ là kiềm) → quạt hút → ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 14.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch kiềm, vật liệu đệm là than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ quá trình nghiền nhiên liệu tro xỉ than

- Quy trình công nghệ: khí thải → quạt hút → cyclone → ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 3.200 m<sup>3</sup>/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục. *ly*

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị xử lý chất thải thường xuyên.
- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý cho nhân viên vận hành hệ thống.
- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố.
- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Doanh nghiệp ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải, bụi để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong thì tiếp tục vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: ba (03) tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò nung tuynel, công suất 14.000 m<sup>3</sup>/giờ;
- 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ quá trình nghiền nhiên liệu xỉ than, công suất 3.200 m<sup>3</sup>/giờ;

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò nung tuynel, công suất 14.000 m<sup>3</sup>/giờ;
- 01 vị trí tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi phát sinh từ quá trình nghiền nhiên liệu xỉ than, công suất 3.200 m<sup>3</sup>/giờ;

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Doanh nghiệp phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều

31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *ly*



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../15/14...../GPMT – UBND  
ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: công đoạn nghiền xỉ than;
- Nguồn số 02: công đoạn vận chuyển nguyên liệu bằng băng tải;
- Nguồn số 03: công đoạn gia công sản phẩm sau nung;
- Nguồn số 04: cuộn hút khí thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Vị trí số 01 (tương ứng nguồn số 01): X = 1.227.755; Y = 590.178;
- Vị trí số 02 (tương ứng nguồn số 02): X = 1.227.740; Y = 590.173;
- Vị trí số 03 (tương ứng nguồn số 03): X = 1.227.602; Y = 590.030;
- Vị trí số 04 (tương ứng nguồn số 04): X = 1.227.611; Y = 590.018.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	70	55	-

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ	
1	70	60	-

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:
  - + Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
  - + Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.



- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- + Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung ở đế chân máy móc, thiết bị.
- + Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn. *ly*

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT – UBND*  
*ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Loại chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)	TTTT
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải <sup>(NH)</sup>	16 01 06	10	Rắn
2	Hộp mực in thải <sup>(KS)</sup>	08 02 04	12	Rắn
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải <sup>(NH)</sup>	17 02 04	25	Lỏng
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau dính dầu, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại <sup>(KS)</sup>	18 02 01	20	Rắn
5	Than hoạt tính <sup>(KS)</sup>	04 02 13	400	Rắn
6	Chất thải có chứa thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải <sup>(KS)</sup>	04 02 03	3	Lỏng
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>470</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	TTTT
1	Pallet (gỗ) hỏng	-	5,8	Rắn
2	Gạch vỡ	-	424	Rắn
3	Bụi thu hồi từ hệ thống XLKT	04 02 06	7,99	Rắn
4	Bùn bề tự hoại	12 06 13	0,03	Bùn
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>437,82</b>	

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải sinh hoạt	15

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

**2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

Trang bị thiết bị, bao bì có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

**2.1.2. Nhà lưu chứa trong nhà:**

- Diện tích kho: 8 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: tường bao quanh, nền BTCT, 01 cửa ra vào, có bình chữa cháy xách tay, có gờ bao, rãnh thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có nền bảo đảm không bị ngập lụt, có phân chia các ô phân cho từng loại chất thải nguy hại. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý: định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa: kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích kho 8 m<sup>2</sup>; Thiết kế, cấu tạo: tường bằng gạch, nền được tráng xi măng đảm bảo chống thấm.

2.2.3. Biện pháp xử lý: định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa từ 20 – 120 lít.

2.3.2. Khu vực chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

2.3.3. Biện pháp xử lý: định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thiết kế, cải tạo kho chứa hóa chất phải đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 11/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa hóa chất quy định tại mục 5 QCVN 05:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy. *ly*

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ....1514...../GPMT – UBND  
ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

- Không có.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

- Vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số  $K_p = 1$  và  $K_v = 1$  và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng khí thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng khí thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, chất thải rắn, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./